

## PHỤ LỤC V

CÁC MẪU THAM KHẢO VỀ HÓA ĐƠN/BIÊN LAI ĐIỆN TỬ HIỂN THỊ  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu hiển thị	Tên loại hóa đơn
01/GTGT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)
01/GTGT-ĐT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù)
01/GTGT-NT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù thu bằng ngoại tệ)
02/BH	Hóa đơn điện tử bán hàng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp)
01/DTQG	Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia
01/GTGT-TKHT	Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế
01/GTGT-BL	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
02/BH-BL	Hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
01/TMĐT	Hóa đơn thương mại điện tử
01/BTS	Hóa đơn bán tài sản phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu
03/XKNB	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
04/HGDŁ	Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý
01/BK-CSGH	Bảng kê hàng hóa bán ra
03/TNCN	Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân
CTT50	Biên lai thu phí, lệ phí
01/PLPĐT	Biên lai thu phí, lệ phí điện tử

Mẫu số: **01/GTGT**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
	Ký hiệu: .....
	Số: .....
Ngày ..... tháng ..... năm .....	
Tên người bán: .....	
Mã số thuế: .....	
Địa chỉ: .....	
Điện thoại: .....	Số tài khoản: .....
Họ tên người mua: .....	

Tên người mua: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Hình thức thanh toán: ..... Số tài khoản .....

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
1	2	3	4	5	6	7=4x5	8=7x6	9=7+8

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: .....

Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất: .....

Số tiền viết bằng chữ: .....

<b>NGƯỜI MUA HÀNG</b> (Chữ ký số (nếu có))	<b>NGƯỜI BÁN HÀNG</b> (Chữ ký điện tử, chữ ký số)
---	--

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Mẫu số: **01/GTGT-ĐT**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu: .....

Số: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Tên người bán: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Số tài khoản: .....

Tên người mua: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Hình thức thanh toán: ..... Số tài khoản .....

Đồng tiền thanh toán: VND



Tổng tiền chưa có thuế GTGT: .....									
Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất: .....									
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:: .....									
Số tiền viết bằng chữ: .....									
<b>NGƯỜI MUA HÀNG</b> (Chữ ký số (nếu có))					<b>NGƯỜI BÁN HÀNG</b> (Chữ ký điện tử, chữ ký số)				
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)									

Mẫu số: **02/BH**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

<b>HÓA ĐƠN BÁN HÀNG</b>					
					Ký hiệu: .....
					Số: .....
Ngày ..... tháng ..... năm .....					
Tên người bán: .....					
Mã số thuế: .....					
Mã địa điểm kinh doanh (áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều địa điểm): .....					
Địa chỉ: .....					
Số tài khoản: .....					
Điện thoại: .....					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên người mua: .....					
Địa chỉ: ..... Số tài khoản .....					
Hình thức thanh toán: ..... MST: .....					
Đồng tiền thanh toán: VND					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
Tổng tiền thanh toán: .....					

Số tiền viết bằng chữ: .....

<b>NGƯỜI MUA HÀNG</b> (Chữ ký số (nếu có))	<b>NGƯỜI BÁN HÀNG</b> (Chữ ký điện tử, chữ ký số)
---	--

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Phần gia hạn thời gian vận chuyển (nếu có) (\*):**

- Lý do gia hạn
- Thời gian gia hạn vận chuyển: Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...
- Đơn vị gia hạn (Ký tên, đóng dấu):

Các chỉ tiêu có dấu (\*) chỉ áp dụng đối với tài sản là hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu.

Mẫu số: **01/DTQG**  
 (Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

<b>TÊN ĐƠN VỊ DỰ TRỮ: .....</b> (1) <b>HÓA ĐƠN BÁN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA</b> (Chỉ sử dụng cho bán hàng dự trữ quốc gia) Ngày ..... tháng ..... năm.....	Mẫu số ..... Ký hiệu: ..... Số .....				
Đơn vị bán hàng: _____ Địa chỉ: _____ Số tài khoản _____  Điện thoại: _____ MST: <input style="width: 100px;" type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: _____ Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu (Trường hợp chưa đăng ký thuế): _____  Đơn vị: _____ Địa chỉ: _____ Số tài khoản _____ tại ngân hàng: _____  Hình thức thanh toán: _____ MST: <input style="width: 100px;" type="text"/>					
<b>Số TT</b>	<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
a	b	c	1	2	3= 1x2
Cộng tiền bán hàng: .....					
Số tiền viết bằng chữ: .....					

**ĐƠN VỊ DỰ TRỮ**

**NGƯỜI MUA HÀNG**  
Chữ ký số (nếu có)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG (2)**  
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(MST là mã số thuế tương ứng với đơn vị mua hoặc bán hàng DTQG)  
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)  
(In tại ....., mã số thuế .....

**Ghi chú:** (1) Tên đơn vị dự trữ

(2) Đối với đơn vị dự trữ không có chức danh Kế toán trưởng thì người ký là phụ trách kế toán.

Mẫu số: **01/GTGT-TKHT**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng  
6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Trang 1 (Page 1)

Mẫu số (Form No): .....

Ký hiệu (Reference No): .....

Số (No): .....

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ**  
**(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

ngày....tháng năm....(....day .... month .... year....)

**PHẦN A (do cửa hàng ghi)**

**PART A (completed by retailer)**

**1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)**

a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer): .....

b. Mã số thuế (Tax code): .....

c. Địa chỉ (Address): .....

**2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)**

a. Họ và tên (Full name): .....

b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents): .....

Ngày cấp hộ chiếu (Date of issue)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents): .....

Ngày hết hạn hộ chiếu (Date of expiry)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents): .....

c. Quốc tịch (Nationality): .....

**3. Thông tin về hàng hóa (Commodities' information)**

STT (No)	Tên hàng hóa (Name of goods) (1)	Đơn vị tính (Unit of measure ment)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (Tax rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
3	C							
...	....							
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total excluding VAT): .....								
Tổng số tiền thuế GTGT (Total VAT): .....								
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): .....								
Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word): .....								
Người nước ngoài mua hàng (Tourist) (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature and full name)					Đại diện đơn vị bán hàng (Seller) (Chữ ký số người bán)			

Trang 1/2 (page 1/2)

**Ghi chú:** (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

**Note:** (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

Trang 2 (Page 2)

Mẫu số (Form No): .....

Ký hiệu (Reference No): .....

Số (No): .....

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ  
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

...ngày....tháng .....năm..... ( day.... month .... year....)

**Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)**

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng;

(Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund)

- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); (Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice)

- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. (Tourists shall claim for VAT refund when departing from International Airport/ International Seaport)

**Phần B (Dành cho cơ quan hải quan)(Part B (completed by customs))**

Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn (Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)

- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):

STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)
1	A			
2	B			
3	C			
...	....			
<b>Tổng cộng (Total)</b>				

..... ngày .... tháng .... năm .... (...day ... month... year ...)

Người kiểm tra (Examination officer)

(Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)

**PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế)**

**Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)**

- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh: (Date and number of the Flight/Ship of the tourist)

- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh:

(VAT amount refunded for the tourist)

- Hình thức thanh toán (Payment methods):

+ Tiền mặt (Cash)

+ Qua thẻ quốc tế (Via international card)

++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)  
Card number (first six and last four digits of a card)

++ Tên thẻ:  
(Cardholder name)

.... ngày... tháng....năm ..... ( day....month year....)  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)

Mẫu số: **01/GTGT-BL**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng  
6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**

Ngày ..... tháng ....năm ....

Ký hiệu: .....

Số:.....

**PHẦN I: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Tên người bán: .....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Số tài khoản:.....

Tên người mua:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Hình thức thanh toán: .... Số tài khoản: ..... Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5

Thành tiền chưa có thuế GTGT: .....

Thuế suất GTGT: % Tiền thuế GTGT: .....

Tổng tiền thanh toán: .....

Số tiền bằng chữ: .....

**PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**

Mẫu số: ....

Ký hiệu: .....

Số: .....

Tên đơn vị thu: .....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền: .....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ thông báo nộp thuế của: ..... Số .... ngày ... tháng ... năm .... Nội dung thu: .....	Số thuế phải nộp theo thông báo: .....
<b>NGƯỜI MUA HÀNG</b> (Chữ ký số (nếu có))	<b>NGƯỜI BÁN HÀNG</b> (Chữ ký số)

Mẫu số: **01/BH-BL**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng  
6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ BÁN HÀNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**

Ngày ..... tháng .....năm ....

Ký hiệu: .....

Số:.....

**PHẦN I: HÓA ĐƠN BÁN HÀNG**

Tên người bán: .....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Số tài khoản:.....

Tên người mua:.....

Mã số thuế:.....

Hình thức thanh toán: .... Số tài khoản: ..... Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5

Tổng tiền thanh toán: .....

Số tiền bằng chữ: .....

**PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**

Mẫu số: ....

Ký hiệu: .....

Số: .....

Tên đơn vị thu: .....

Mã số thuế:.....	
Địa chỉ:.....	
Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền: .....	
Mã số thuế:.....	
Địa chỉ:.....	
<b>Căn cứ thông báo nộp thuế, phí, lệ phí của:</b> ..... Số .... ngày ... tháng ... năm .... Nội dung thu: .....	<b>Số thuế, phí, lệ phí phải nộp theo thông báo:</b> .....
<b>NGƯỜI MUA HÀNG</b> (Chữ ký số (nếu có))	<b>NGƯỜI BÁN HÀNG</b> (Chữ ký số)

Mẫu số: **01/TMĐT**  
*(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

<b>HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b> (Commercial Invoice)		Ký hiệu (Reference number): .....			
		Số (Invoice number): .....			
		Mẫu số (Form number): .....			
		Ngày .... tháng .... năm 20.... (Date .... month ... year ....)			
Tên người bán (The Seller name): .....					
Mã số thuế (Tax code): .....					
Địa chỉ (Address): .....					
Điện thoại (Phone number): ..... Số tài khoản (Bank account): .....					
Tên người mua (The Buyer name): .....					
Mã số thuế (Tax code): .....					
Địa chỉ (Address): .....					
Số tài khoản (Bank account): ..... Đồng tiền thanh toán (Currency): .....					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount): .....					

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): .....	
<b>NGƯỜI MUA HÀNG (THE BUYER)</b>	<b>NGƯỜI BÁN HÀNG (THE SELLER)</b>  (Chữ ký số) (E- Signature)

Mẫu số: **01/BTS**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

<b>HÓA ĐƠN BÁN TÀI SẢN PHẢI ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG, QUYỀN SỞ HỮU</b>	Ký hiệu: 1C26RAA Số: 00000012
Ngày .... tháng .... Năm 2026	

Tên người bán: .....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Số tài khoản:.....
Tên người mua (Tên của chủ sở hữu, sử dụng tài sản): .....
Mã số thuế hoặc số CCCD (trường hợp chưa có MST): .....
Ngày tháng năm sinh (trường hợp chưa có MST): .....
Địa chỉ đăng ký xe: .....
Số điện thoại: ..... Email: .....

Hình thức thanh toán: .....Số tài khoản: ..... Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Thông tin tài sản							Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
	Loại tài sản	Tình trạng tài sản	Số khung	Số máy	Số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (xe nhập)	Số seri giấy Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (xe sản xuất, lắp ráp trong)	Thông tin phương tiện							
1	2a	2b	2c	2d	2e	2f	2g	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
							Nhãn hiệu, Tên thương mại, kiểu loại, nước sản xuất, năm sản xuất, thể tích/công							

							suất, trọng tài, màu sắc, biển kiểm soát,...												

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: .....

Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất: .....

Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT: .....

Số tiền viết bằng chữ: .....

<b>NGƯỜI MUA HÀNG</b> (Chữ ký số (nếu có))	<b>NGƯỜI BÁN HÀNG</b> (Chữ ký số)
---	--------------------------------------

Mẫu số: **03/XKNB**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng  
6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên người xuất hàng: Công ty A

Theo lệnh điều động số 578 của Chi nhánh B về việc vận chuyển hàng hóa

Địa chỉ kho xuất hàng: 125 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Tên người vận chuyển: Trần Văn Đức

Phương tiện vận chuyển: ô tô bán tải số 30 A 410.67

Mã số thuế người xuất hàng: .....

**PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ**

Ngày .... tháng .... năm .....

Ký hiệu: .....

Số: .....

Tên người nhận hàng: Trần Văn C

Địa điểm nhận hàng: 99 Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: .....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		

Tổng cộng:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Chữ ký số)

Mẫu số: **04/HGDŁ**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Ký hiệu:

Địa chỉ: .....

Số:

Mã số thuế: .....

**PHIẾU XUẤT KHO HÀNG GỬI BÁN ĐẠI LÝ**

Ngày .... tháng .... năm ....

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: ..... Ngày ..... tháng ..... năm .....

của ..... với (tổ chức, cá nhân) ..... MST: .....

Họ tên người vận chuyển: ..... Hợp đồng số: .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Xuất tại kho: .....

Nhập tại kho: .....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>Tổng cộng:</b>						

**NGƯỜI NHẬN  
HÀNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ KHO XUẤT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI VẬN  
CHUYÊN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ KHO NHẬP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu số: **01/BK-CSGH**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN RA**

(Gửi cho cơ sở có hàng hóa điều chuyển hoặc cơ sở có hàng hóa gửi bán)

Kính gửi: Tên cơ sở có hàng hóa điều chuyển, cơ sở có hàng hóa gửi bán

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Tên cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng):

.....

Địa chỉ: .....

Xin gửi bảng kê hàng hóa bán ra để làm cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

STT	Hóa đơn, chứng từ bán ra		Loại hàng hóa	Số lượng	Đơn giá chưa có thuế	Thuế suất	Thành tiền
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng							

..., ngày .... tháng .... năm ....

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ SỞ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC,  
CHI NHÁNH, CỬA HÀNG, CƠ SỞ NHẬN LÀM ĐẠI LÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **03/TNCN**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng  
6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP**

[01] Tên tổ chức trả thu nhập: .....

[02] Mã số thuế: .....

[03] Địa chỉ: .....

[04] Điện thoại: .....

**II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH**

[05] Họ và tên: .....

[06] Mã số thuế: .....

[07] Quốc tịch: .....

[08] Cá nhân cư trú:                    [09] Cá nhân không cư trú:

[10] Địa chỉ: .....

[11] Điện thoại liên hệ: .....

[12] Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu (Trường hợp chưa đăng ký thuế):

### III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ

[13] Khoản thu nhập: <chọn 1 trong các loại thu nhập đã khấu trừ trong danh mục: 1. Thu nhập từ tiền lương, tiền công; 2. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh xổ số; 3. Thu nhập từ hoạt động bảo hiểm; 4. Thu nhập từ hoạt động bán hàng đa cấp; 5. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên sàn TMĐT; 6. Thu nhập từ hợp tác kinh doanh với tổ chức; 7. Thu nhập từ hoạt động môi giới>

[14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc: .....

[15] Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học: .....

[16] Thời điểm trả thu nhập: Từ tháng: ..... đến tháng: ..... năm .....

[17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ: .....

[18] Tổng thu nhập tính thuế: .....

[19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ**  
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Mẫu số: **CTT50**  
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

<b>BỘ TÀI CHÍNH CỤC THUẾ</b> -----	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> -----	Ký hiệu: Số:
Cơ quan thu:	<b>BIÊN LAI THU THUẾ</b>	
Người nộp thuế: .....		
Mã số thuế: .....		
Địa chỉ: .....		
Căn cứ thông báo nộp thuế của: ..... Số: .... ngày ... tháng ... năm ... Nội dung thu: ..... .....	Số thuế phải nộp theo thông báo: .....	
Số thuế nộp kỳ này: .....		
Số thuế nợ kỳ trước (nếu có): .....		
Tổng cộng số thuế nộp: .....		
Số tiền bằng chữ: .....		

....., ngày .... tháng.... năm .....

**TỔ CHỨC THU THUẾ**

(Chữ ký số)

Mẫu số: **01/PLPĐT**

(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BIÊN LAI THU PHÍ, LỆ PHÍ ĐIỆN TỬ**

Mẫu số: .....

Ký hiệu: .....

Số: .....

Ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

Tên tổ chức thu: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Số tài khoản: .....

Tên người nộp: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Số tài khoản: .....

Số tiền: .....

(Số tiền bằng chữ): .....

Hình thức thanh toán: .....

**Tổ chức thu phí, lệ phí**

(Chữ ký số)